TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH TRÌ** **TP. HÀ NỘI** **--------**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC** **---------- **

Bản án số: 148/2018/HSST

Ngày: 25/9/2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Toà án nhân dân huyện Thanh Trì

Với thành phần hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: **Bà Nguyễn Thị Kim Liên**

Hội thẩm nhân dân **:** **Ông Đinh Quang Huấn**

Ông Nguyễn Đức Thành

Thư ký ghi biên bản phiên toà : **Bà Đặng Thị Vân Kiều - Cán bộ Toà án.**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì:

Bà Tô Thu Thuỷ - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2018, Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội. Xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số:144/2018/HSST ngày 22/8/2018 đối với bị cáo:

1-Họ và tên: Phạm Thị N (Tên gọi khác N), sinh năm 1986 ; Nơi ĐKNKTT: thôn V, xã V, huyện T, Hà Nội và chỗ ở hiện nay: xã T, huyện T, Hà Nội; Nghề

nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 11/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn Giáo: Không; Con ông: Phạm Đăng C ; Con bà: Phạm Thị N; Anh, chị, em ruột: bị cáo có 02 anh chị em, bị cáo là con thứ nhất; Có chồng: Nguyễn Đình K - sinh năm: 1967. Có 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2013. Danh chỉ bản số 0242 ngày 14/5/2018 công an huyện T lập. Tiền án: không, tiền sự: Không. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại - Có mặt tại phiên toà.

2- Họ và tên: Phạm Đăng T - sinh năm 1988 ; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Tổ 18, phường T, thành phố T, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Phạm Đăng C; Con bà: Phạm Thị N; Anh chị em ruột : Có 2 anh chị em ruột, bị cáo là con thứ 2. Danh chỉ bản số 0208 ngày 19/4/2018 công an huyện T lập. Tiền án: không, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt quả tang và tạm giữ từ ngày 17/4/2018 đến ngày 23/4/2018. Hiện bị cáo đang áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại - Có mặt tại phiên toà.

3-Họ và tên: Nguyễn Văn B - sinh năm 1985; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn Q, xã T, huyện V, tỉnh B; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Văn B; Con bà: Đỗ Thị T; Anh chị em ruột: Bị cáo có 3 chị em, bị cáo là con thứ nhất. Có vợ là: Lê Thị M sinh năm 1987 và có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2013. Danh chỉ bản số 0211 ngày 19/4/2018 công an huyện T lập. Bị cáo bị bắt quả tang và tạm giữ từ ngày 17/4/2018, đến ngày 20/4/2018. Tiền án: không, Tiền sự: không. Hiện bị caó đang áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại - Có mặt tại phiên toà.

4-Họ và tên: Trương Quang K - sinh năm 1980 Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay; thôn A, xã D, huyện T, tỉnh H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông:Trương Quang

K; Con bà: Nguyễn Thị L (đã chết) ; Anh chị em ruột : Có 02 anh chị em ruột, bị cáo là con thứ nhất. Có vợ là Đào Thị T sinh năm 1980. Có 02 con (con lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2010). Danh chỉ bản số 0207 ngày 19/4/2018 công an huyện T lập. Tiền án: không, Tiền sự: không. Bị cáo bị bắt quả tang từ ngày 17/4/2018, đến ngày 20/4/2018. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại - Có mặt tại phiên toà.

5-Họ và tên: Ngô Văn H - sinh năm 1986 ; Nơi ĐKNKTT: Thôn Q, xã V, huyện L, tỉnh H ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Ngô Văn S; Con bà: Đào Thị O; Anh chị em ruột : Có 03 anh chị em ruột, bị cáo là con thứ hai. Danh chỉ bản số 0201 ngày 19/4/2018 công an huyện T lập. Tiền án: không, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại. Bị cáo bị bắt quả tang tạm giữ ngày 17/4/2018, tạm giữ đến ngày 23/4/2018. Hiện bị cáo đang áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú- Có mặt tại phiên toà.

6 -Họ và tên: Vũ Văn G - sinh năm 1985 ; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở : Xóm D, xã Y, huyện Ý, tỉnh N ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Vũ Đình B; Con bà: Phạm Thị H (đã chết); Anh chị em ruột : Có 04 anh chị em ruột, bị cáo là con thứ hai. Có Vợ: Nguyễn Phương Loan, sinh năm 1991, có 02 con, lớn sinh 2011, nhỏ sinh 2017. Danh chỉ bản số 0203 ngày 19/4/2018 công an huyện T lập. Tiền án: không, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại. Bị cáo bị bắt quả tang tạm giữ từ ngày 17/4/2018, tạm giữ đến ngày 20/4/2018. Hiện bị cáo đang áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi nơi cư trú- Có mặt tại phiên toà.

7 -Họ và tên: Bùi Văn L - sinh năm 1987 ; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở : thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh H ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Bùi Văn L; Con bà: Đào Thị A; Anh chị em ruột : Có 04 anh chị em ruột, bị cáo là con thứ hai. Có vợ: Trương Thị O, sinh năm 1991, có 02 con, lớn sinh 2014, nhỏ sinh 2016. Danh chỉ bản số 0202 ngày

19/4/2018 công an huyện T lập. Tiền án: không, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại. Bị cáo bị bắt quả tang tạm giữ từ ngày 17/4/2018, tạm giữ đến ngày 23/4/2018. Hiện bị cáo đang áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú- Có mặt tại phiên toà.

8 -Họ và tên: Phan Lưu T - sinh năm 1981 ; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở : Khu Ga, thị trấn V, huyện T, Hà Nội ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 10/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Phan Lưu L; Con bà: Nguyễn Thị K; Anh chị em ruột : Có 03 anh chị em ruột, bị cáo là con thứ hai. Có vợ: Trần Thị H, sinh năm 1984, có 03 con, lớn sinh 2004, nhỏ sinh 2015. Danh chỉ bản số 0204 ngày 19/4/2018 công an huyện T lập. Tiền án: không, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại. Bị cáo bị bắt quả tang tạm giữ từ ngày 17/4/2018 đến ngày 25/4/2018. Hiện bị cáo đang áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi nơi cư trú- Có mặt tại phiên toà.

9 -Họ và tên: Nguyễn Đức P - sinh năm 1990 ; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở : thôn An, xã C, huyện T, tỉnh H ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Đức V; Con bà: Nguyễn Thị T; Anh chị em ruột : Có 02 anh chị em ruột, bị cáo là con thứ nhất. Danh chỉ bản số 0204 ngày 19/4/2018 công an huyện T lập. Tiền án: không, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại. Bị cáo bị bắt quả tang ngày 17/4/2018, tạm giữ đến ngày 25/4/2018. Hiện bị cáo đang áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi nơi cư trú- Có mặt tại phiên toà.

10 -Họ và tên: Vũ Đình K - sinh năm 1990 ; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở : Xóm 6, thôn T, xã C, huyện T, tỉnh H ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Vũ Đình D (chết); Con bà: Vũ Thị N; Anh chị em ruột : Có 03 anh chị em ruột, bị cáo là con thứ ba. Có Vợ: Lê Thị H, sinh năm 1993, có con Vũ Anh T sinh 2017. Danh chỉ bản số 0205 ngày 19/4/2018 công an huyện T lập. Tiền án: không, tiền sự: Không; Bị cáo tại

ngoại. Bị cáo bị bắt quả tang tạm giữ 17/4/2018 đến ngày 25/4/2018. Hiện bị cáo đang áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi nơi cư trú- Có mặt tại phiên toà.

11 -Họ và tên: Hoàng Văn H - sinh năm 1987 ; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở : thôn N, xã L, huyện T, Hà Nội ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 8/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Hoàng Văn H; Con bà: Lưu Thị N; Anh chị em ruột : Có 03 anh chị em ruột, bị cáo là con thứ hai. Có Vợ: Trần Thị Thu T, sinh năm 1992, có 02 con, con lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh 2015. Danh chỉ bản số 0206 ngày 19/4/2018 công an huyện T lập. Tiền án: không, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại. Bị cáo bị bắt quả tang tạm giữ ngày 17/4/2018 đến ngày 23/4/2018. Hiện bị cáo đang áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi nơi cư trú- Có mặt tại phiên toà.

12 -Họ và tên: Đỗ Văn L - sinh năm 1977 ; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở :thôn Y, xã L, huyện T, Hà Nội ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Đỗ Văn P (đã chết); Con bà: Đỗ Thị H (chết); Anh chị em ruột : Có 08 anh chị em ruột, bị cáo là con thứ tám. Có Vợ: Lê Thị L, sinh năm 1983, có con sinh năm 2010. Danh chỉ bản số 2060 ngày 19/4/2018 công an huyện T lập. Tiền án: không, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại. Bị cáo bị bắt quả tang tạm giữ ngày 17/4/2018, đến ngày 20/4/2018. Hiện bị cáo đang áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi nơi cư trú- Có mặt tại phiên toà

13 -Họ và tên: Lê Đức H - sinh năm 1986 ; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở : thôn L, xã H, huyện T, tỉnh T ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 11/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Lê Đức T ; Con bà: Hà Thị T; Anh chị em ruột : Có 06 anh chị em ruột, bị cáo là con thứ năm. Danh chỉ bản số 0210 ngày 19/4/2018 công an huyện T lập. Tiền án: không, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại. Bị cáo bị bắt quả tang tạm giữ ngày 17/4/2018, đến ngày 20/4/2018. Hiện bị cáo đang áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi nơi cư trú- Có mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau.

Khoảng 20 giờ ngày 17/04/2018, Phạm Thị N đã đồng ý cho các đối tượng Phan Lưu T, Hoàng Văn H, Bùi Văn L, Phạm Đăng T, Đỗ Văn L, Nguyễn Đức P, Nguyễn Văn B, Trương Quang K, Lê Đức H, Vũ Đình K, Vũ Văn G, Ngô Văn H đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền dưới hình đánh liêng tại quán nước do Phạm Thị N quản lý ở gần đường P thuộc địa phận xã T, huyện T, Hà Nội.

Các đối tượng thống nhất cách chơi như sau: các đối tượng sử dụng 01 bộ bài tú lơ khơ có 52 quân bài chia đều mỗi người 3 quân bài và sau đó từng người chơi mở bài ra và tính điểm từ 0 đến 9. To nhất lần lượt là sáp, liêng, ảnh đến điểm. Mức đặt cửa đánh thấp nhất là 10.000đồng và "tố" cao nhất là 200.000đồng. Sau khi từng người mở bài và tính điểm, người cao điểm nhất là người thắng và được toàn bộ số tiền những người khác đặt cửa.

Quá trình đánh bạc không có ai canh gác, bảo vệ. Không có ai thu tiền hồ. Các đối tượng tự thoả thuận: nếu ai được sáp và liêng đồng chất thì bỏ ra 10.000đồng để sau khi kết thúc việc đánh bạc sẽ đưa cho N. Đến 21 giờ 30 phút cùng ngày, khi các đối tượng đang đánh bạc như trên tại quán của N thì bị tổ công tác của Đội điều tra hình sự - Công an huyện T phát hiện bắt quả tang: thu giữ tang vật tại chiếu bạc:

- Số tiền 16.080.000đồng, trong đó thu giữ: tại chiếu bạc 6.780.000đồng. Trong đó trong người Phan Đăng T 6.000.000đồng, trên người Trương Quang K 1.800.000đồng, trên người Nguyễn Văn B 1.500.000đồng.

- 01 bộ bài tú lơ khơ có 52 quân bài.

Tại cơ quan điều tra, các đối tượng khai nhận số tiền mang theo dùng để đánh bạc của từng đối tượng như sau:

Phạm Đăng T mang theo người khoảng 6.180.000đồng để đánh bạc: T mới bỏ ra 180.000đồng để đánh bạc, khi bị bắt, T đang bị thua khoảng 180.000đồng.

Nguyễn Văn B mang theo khoảng 3.000.000đồng để đánh bạc: B mới bỏ ra 1.500.000đồng để đánh bạc, khi bị bắt. B đang bị thua 1.000.000đồng.

Trương Quang K mang theo 2.000.000dồngđể đánh bạc: khi bị bắt, K đang thua khoảng 200.000đồng.

Ngô Văn H mang theo khoảng 1.810.000đồng để đánh bạc: khi bị bắt , H đang bị thua khoảng 200.000đồng.

Vũ Văn Gi mang theo khoảng 1.700.000đồng để đánh bạc: khi bị bắt, T đang bị thua khoảng 2.000.000đồng.

Bùi Văn L mang theo khoảng 1.000.000đồng để đánh bạc: khi bị bắt L đang bị thua hết số tiền trên.

Phan Lưu T mang theo khoảng 700.000đồng để đánh bạc: khi bị bắt T đang bị thua khoảng 630.000đồng.

Nguyễn Đức P mang theo khoảng 700.000đồng để đánh bạc: khi bị bắt, P đang hoà tiền.

Vũ Đình K mang theo khoảng 600.000đồng để đánh bạc : khi bị bắt K đang bị thua khoảng 480.000đồng.

Đỗ Văn L mang theo khoảng 500.000đồng để đánh bạc: khi bị bắt, L đang thắng khoảng 50.000đồng.

Lê Đức H mang theo khoảng 260.000đồng để đánh bạc: khi bị bắt , H đang thắng khoảng 980.000đồng.

Tại bản cáo trạng: số 132/KSĐT ngày 17/8/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố Phạm Thị N (tức N) về tội "Gá bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 322 - Bộ luật hình sự năm 2015, truy tố các bị cáo Phan Lưu T, Hoàng Văn H, Bùi Văn L, Phạm Đăng T, Đỗ Văn L, Nguyễn Đức P, Nguyễn Văn B, Trương Quang K, Lê Đức

Ho, Vũ Đình K, Vũ Văn G và Ngô Văn H về tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 - Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên toà: các bị cáo đều khai nhận như đã khai tại cơ quan điều tra. Cả mười ba bị cáo đều thừa nhận nội dung Bản cáo trạng là hoàn toàn đúng với hành vi mà các bị cáo đã thực hiện. Các bị cáo thấy được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, thành khẩn ăn năn hối cải, hứa sẽ sửa chữa và đề nghị Tòa xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Phạm Thị N (tức N)về tội "Gá bạc" theo khoản 1 điều 322 - Bộ luật hình sự năm 2015, các bị cáo Phan Lưu T, Hoàng Văn H, Bùi Văn L, Phạm Đăng T, Đỗ Văn L, Nguyễn Đức P, Nguyễn Văn B, Trương Quang K, Lê Đức H, Vũ Đình K, Vũ Văn G và Ngô Văn H về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321- Bộ luật hình sự năm 2015 như nội dung Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T.

Đề nghị Toà xử phạt:

Đề nghị Tòa xử phạt Phạm Thị N (tức Ngân) từ 20 đến 26 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách từ 40 tháng đến 52 tháng.

Đề nghị Tòa xử phạt Phạm Đăng T từ 15 đến 20 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách từ 30 tháng đến 40 tháng.

Đề nghị Tòa xử phạt Nguyễn Văn B từ 12 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách từ 24 tháng đến 36 tháng.

Đề nghị Tòa xử phạt Trương Quang K từ 10 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách từ 20 tháng đến 30 tháng.

Đề nghị Tòa xử phạt Ngô Văn H từ 10 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách từ 20 tháng đến 30 tháng.

Đề nghị Tòa xử phạt Vũ Văn G từ 10 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách từ 20 tháng đến 30 tháng.

Đề nghị Tòa xử phạt Bùi Văn L từ 08 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách từ 16 tháng đến 24 tháng.

Đề nghị Tòa xử phạt Phan Lưu T từ 08 đến 11 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách từ 16 tháng đến 22 tháng.

Đề nghị Tòa xử phạt Nguyễn Đức P từ 08 đến 11 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách từ 16 tháng đến 22 tháng.

Đề nghị Tòa xử phạt Vũ Đình K từ 08 đến 11 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách từ 16 tháng đến 22 tháng.

Đề nghị Tòa xử phạt Hoàng Văn H từ 08 đến 11 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách từ 16 tháng đến 22 tháng.

Đề nghị Tòa xử phạt Đỗ Văn L từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng.

Đề nghị Tòa xử phạt Lê Đức H từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng.

Hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Phạm Thị N 20.000.000đồng đồng, phạt các bị cáo Phạm Đăng T, Nguyễn Văn B, Trương Quang K, Ngô Văn H, Vũ Văn G, Bùi Văn L, Phan Lưu T, Nguyễn Đức P, Vũ Đình K, Hoàng Văn H, Đỗ Văn L và Lê Đức H, mỗi bị cáo 10.000.000đồng sung quỹ Nhà nước.

Về vật chứng:

Đề nghị Toà tịch thu sung công quỹ số tiền 16.080.000đồng là số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc, do cơ quan Điều tra thu giữ.

Tịch thu tiêu huỷ 01 bộ bài tú lơ khơ.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; Căn cứ kết quả thẩm tra chứng cứ và xét hỏi tại phiên toà; Căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên

toà. Trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 17/04/2018, tại quán nước của Phạm Thị N ở ven đường P thuộc địa phận xã T, huyện T, Hà Nội, N (tức N) đã đồng ý cho Phan Lưu T, Hoàng Văn H, Bùi Văn L, Phạm Văn Tuấn, Đỗ Văn L, Nguyễn Đức P, Nguyễn Văn B, Trương Quang K, Lê Đức H, Vũ Đình K, Vũ Văn G, Ngô Văn H đánh bạc trái phép sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức " đánh liêng". Đến khoảng 21 giờ cùng ngày thì bị tổ công tác của Đội điều tra hình sự - Công an huyện T phát hiện bắt quả tang cùng tang vật gồm: số tiền 16.080.000đồng và 01 bộ bài tú lơ khơ.

Mặc dù các bị cáo đều nhận thức được đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền dưới mọi hình thức là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn rủ nhau ngang nhiên đánh bạc tại quán nước của Phạm Thị N ý thức coi thường pháp luật. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây mất trật tự trị an xã hội và tiếp tay cho tệ nạn xã hội phát triển, do vậy do vậy cần thiết phải xử lí các bị cáo bằng pháp luật để cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

[2] Bị cáo N là người đồng ý cho các bị cáo đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền tại quán nước nhà N nên có vai trò cao nhất, trong vụ án. Bị cáo Phạm Đăng T đánh bạc với số tiền lớn nhất có vai trò thứ hai. Bị cáo Nguyễn Văn B đánh bạc với số tiền lớn thứ ba nên có vai trò thứ ba. Bị cáo H và bị cáo G có số tiền đánh bạc ngang nhau nên có vai trò thứ tư. Bị cáo Bùi Văn L có vai trò thấp hơn bị cáo H và G. Các bị cáo T, P,

K, H có vai trò ngang nhau và thấp hơn H và G. Bị cáo L và H có vai trò thấp nhất vụ án.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần này là lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng. Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên toà, các bị cáo N, T, B, K, H, G, L, T, P, K, H, L và H thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải, nên cho các bị cáo được hưởng 2 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, điểm s Điều 51 - Bộ luật hình sự năm 2015. Căn cứ Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/05/2018 của hội đồng Thẩm phán TANDTC cho các bị cáo Phạm Thị N, Phạm Đăng T, Nguyễn Văn B, Trương Quang K, Ngô Văn H, Vũ Văn G được huởng án treo cải tạo ngoài xã hội, giao bị cáo cho chính quyền địa phương quản lý giáo dục các bị cáo trở thành người tốt. Còn các bị cáo Bùi Văn L, Phan Lưu T, Nguyễn Đức P, Vũ Đình K, Hoàng Văn H, Đỗ Văn L và Lê Đức H có số tiền đánh bạc ít có thể cho hưởng mức án thấp hơn các bị cáo T, B, K, H, G.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo không có.

[5] Khi lượng hình, Toà xét thấy, các bị cáo đều có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhẹ và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, hành vi phạm tội đơn giản, không có sự bàn bạc từ trước, do vậy cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt. Bị cáo N có vai trò cao nhất trong vụ án, nhưng có nhiều tình tiết giảm nhẹ, lần đầu bị cáo cho các bị cáo đánh bạc tại quán bán nước chè, chưa cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mà cho bị cáo N, được hưởng khoan hồng cải tạo ngoài xã hội, giao cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú, giám sát, giáo dục để các bị cáo sớm trở thành người có ích cho xã hội.

Các bị cáo T, B, K, H, G có vai trò thấp hơn bị cáo N, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, chưa cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian mà cho bị cáo N, được hưởng khoan hồng cải tạo ngoài xã hội, giao cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú, giám sát, giáo dục để các bị cáo sớm trở thành người có ích cho xã hội.

Các bị cáo L, T, P, K, H, L, H có số tiền đánh bạc ít, do đó cho các bị cáo hình phạt thấp hơn các bị cáo T, B, K, H, G.

Do các bị cáo L, T, P, K, H, L, H không có công việc và thu nhập ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Cần thiết phải phạt các bị cáo một khoản sung quỹ Nhà nước.

Về vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2105.

Xét thấy số tiền 16.080.000đồng là tiền các bị cáo dùng để đánh bạc, do vậy tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 bộ bài tú lơ khơ các bị cáo dùng để đánh bạc , không có giá trị cần tịch thu tiêu huỷ.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo Điều 136 Bộ luật hình sự năm 2015.

Các bị cáo được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Thị N (tức N) phạm tội "Gá bạc".

Các bị cáo Phạm Đăng T, Nguyễn Văn B, Trương Quang K, Ngô Văn H, Vũ Văn G, Bùi Văn L, Phan Lưu T, Nguyễn Đức P, Vũ Đình K, Hoàng Văn H, Đỗ Văn L và Lê Đức H phạm tội "Đánh bạc"

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 322 Bộ luật hình sự năm 2015, điểm i, điểm s Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 1, Điều 65 - Bộ luật hình sự năm 2015 (đối với bị cáo Phạm Thị N (tức N)

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015, điểm i, điểm s Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 1, Điều 65 - Bộ luật hình sự năm 2015 (đối với bị cáo Phạm Đăng T, Nguyễn Văn B, Trương Quang K, Ngô Văn H, Vũ Văn G).

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015, điểm i, điểm s Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 36 - Bộ luật hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Bùi Văn L, Phan Lưu T, Nguyễn Đức P, Vũ Đình K, Hoàng Văn H, Đỗ Văn L, Lê Đức H.

1.Xử phạt: Phạm Thị N (tức N) 20 (hai mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách là 40 (bốn mươi) tháng kể từ ngày tuyên án.

Phạt bị cáo 20.000.000đồng sung quỹ Nhà nước.

Nếu bị cáo thay đổi nơi làm việc thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Giao bị cáo Phạm Thị N (tức N) cho Uỷ ban nhân dân xã V, huyện T, Hà Nội quản lý giáo dục trong thời gian thử thách.Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 2 lần trở lên thì Toà án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.Xử phạt: Phạm Đăng T 18 (mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách là 36 (ba mươi sáu) tháng kể từ ngày tuyên án.

Phạt bị cáo Phạm Đăng T 10.000.000đồng sung quỹ Nhà nước.

Giao bị cáo Phạm Đăng T cho Uỷ ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh T quản lý giáo dục trong thời gian thử thách.

Nếu bị cáo Phạm Đăng T thay đổi nơi làm việc thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 2 lần trở lên thì Toà án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3.Xử phạt: Nguyễn Văn B 16 (mười sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách là 32 (ba mươi hai) tháng kể từ ngày tuyên án.

Phạt bị cáo Nguyễn Văn B 10.000.000đồng sung quỹ Nhà nước.

Giao bị cáo Nguyễn Văn B cho Uỷ ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh B quản lý giáo dục trong thời gian thử thách.

Nếu bị cáo Nguyễn Văn B thay đổi nơi làm việc thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 2 lần trở lên thì Toà án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4.Xử phạt: Trương Quang K 14 (mười bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách là 28 (hai mươi tám) tháng kể từ ngày tuyên án.

Phạt bị cáoTrương Quang K 10.000.000đồng sung quỹ Nhà nước.

Giao bị cáo Trương Quang K cho Uỷ ban nhân dân xã D huyện T, tỉnh H quản lý giáo dục trong thời gian thử thách.

Nếu bị cáoTrương Quang K thay đổi nơi làm việc thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 2 lần trở lên thì Toà án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

5.Xử phạt: Ngô Văn H 13 (mười ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách là 26 (hai mươi sáu) tháng kể từ ngày tuyên án.

Phạt bị cáo Ngô Văn H 10.000.000đồng sung quỹ Nhà nước.

Giao bị cáo Ngô Văn H cho Uỷ ban nhân dân xã V, huyện L, tỉnh H quản lý giáo dục trong thời gian thử thách.

Nếu bị cáo thay đổi nơi làm việc thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 2 lần trở lên thì Toà án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

6. Xử phạt: Vũ Văn G 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách là 24 (hai mươi tư) tháng kể từ ngày tuyên án.

Phạt bị cáo Vũ Văn G 10.000.000đồng sung quỹ Nhà nước.

Giao bị cáo Vũ Văn G cho Uỷ ban nhân dân xã Y, huyện Y, tỉnh N quản lý giáo dục trong thời gian thử thách.

Nếu bị cáo thay đổi nơi làm việc thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 2 lần trở lên thì Toà án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015, điểm i, điểm s Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 36 - Bộ luật hình sự năm 2015 Bùi Văn L, Phan Lưu T, Nguyễn Đức P, Vũ Đình K, Hoàng Văn H, Đỗ Văn L và Lê Đức H.

7.Xử phạt: Bị cáo Bùi Văn L 16 (mười sáu) tháng cải tạo không giam giữ được trừ thời gian đã tạm giữ **07** ngày từ ngày 17/4/2018 đến ngày 23/04/2018 bằng **21** ngày

cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát giáo dục, người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án

Phạt bổ sung bị cáo Bùi Văn L 10.000.000đồng để sung quỹ Nhà nước.

Giao bị cáo Bùi Văn L cho Uỷ ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh H giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

8.Xử phạt: Bị cáo Phan Lưu T 14 (mười bốn) tháng cải tạo không giam giữ được trừ thời gian đã tạm giữ 09 ngày từ ngày 17/4/2018 đến ngày 25/04/2018 bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát giáo dục, người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án

Phạt bổ sung bị cáo Phan Lưu Thái 10.000.000đồng để sung quỹ Nhà nước.

Giao bị cáo Phan Lưu T cho Uỷ ban nhân dân Thị trấn V, huyện T, Hà Nội giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

9. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đức P 14 (mười bốn) tháng cải tạo không giam giữ được trừ thời gian đã tạm giữ 09 ngày từ ngày 17/4/2018 đến ngày 25/04/2018 bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát giáo dục, người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Đức P 10.000.000đồng để sung quỹ Nhà nước.

Giao bị cáo Nguyễn Đức P cho Uỷ ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh H giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam.

10. Xử phạt: Bị cáo Vũ Đình K 14 (mười bốn) tháng cải tạo không giam giữ được trừ thời gian đã tạm giữ 09 ngày từ ngày 17/4/2018 đến ngày 25/04/2018 bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan,

tổ chức được giao giám sát giáo dục, người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án

Phạt bổ sung bị cáo Vũ Đình K 10.000.000đồng để sung quỹ Nhà nước.

Giao bị cáo Vũ Đình K cho Uỷ ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh H giám sát giáo dục trong thời cải tạo không giam giữ.

11.Xử phạt: Bị cáo Hoàng Văn H 14 (mười bốn) tháng cải tạo không giam giữ được trừ thời gian đã tạm giữ 07 ngày từ ngày 17/4/2018 đến ngày 23/04/2018 bằng 21 ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát giáo dục, người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án

Phạt bổ sung bị cáo Hoàng Văn H 10.000.000đồng để sung quỹ Nhà nước.

Giao bị cáo Hoàng Văn H cho Uỷ ban nhân dân xã L, huyện T, Hà Nội giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

12.Xử phạt: Bị cáo Đỗ Văn L 10 (mười) tháng cải tạo không giam giữ được trừ thời gian đã tạm giữ 04 ngày từ ngày 17/4/2018 đến ngày 20/04/2018 bằng 12 ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát giáo dục, người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án

Phạt bổ sung bị cáo Đỗ Văn L 10.000.000đồng để sung quỹ Nhà nước.

Giao bị cáo Đỗ Văn L cho Uỷ ban nhân dân xã L, huyện T, Hà Nội giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

13. Xử phạt: Bị cáo Lê Đức H 08 (tám) tháng cải tạo không giam giữ được trừ thời gian đã tạm giữ **09** ngày từ ngày 17/4/2018 đến ngày 25/04/2018 bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức

được giao giám sát giáo dục, người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án

Phạt bổ sung bị cáo Lê Đức H 10.000.000đồng để sung quỹ Nhà nước.

Giao bị cáo Lê Đức H cho Uỷ ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh T giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ .

Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo Bùi Văn L, Phan Lưu T, Nguyễn Đức P, Vũ Đình K, Hoàng Văn H, Đỗ Văn L, Lê Đức H.

Về vật chứng: căn cứ điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 16.080.000đồng là tiền các bị cáo dùng để đánh bạc (chuyển Chi cục thi hành huyện T uỷ nhiệm chi số 65 ngày 27/8/2018).

Tịch thu tiêu huỷ 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân tại thi hành án huyện T (biên bản bàn giao tang vật ngày 23/8/2018)

Á**n phí:** áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Điều 20, 22, 26 Pháp lệnh án phí, lệ phí Toà án.

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Về quyền thi hành án: Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định của Toà án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án

dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- *VKSND huyện T;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS;*

Nguyễn Thị Kim Liên